

- Định mức vận chuyển được xây dựng trong điều kiện độ dốc $\leq 7^0$, đường không trơn, không lầy lún. Gặp đường dốc, đường gồ ghề, lổm chổm, đường trơn, lầy lún thì định mức điều chỉnh theo bảng hệ số sau:

Stt	Địa hình cho công tác vận chuyển	Hệ số
1	Đường độ dốc $\leq 10^0$	1,20
2	Đường độ dốc $\leq 15^0$	1,35
3	Đường độ dốc $\leq 20^0$	1,70
4	Đường độ dốc $\leq 25^0$	2,00
5	Đường độ dốc $\leq 30^0$	2,50
6	Đường gồ ghề, lổm chổm	1,50
7	Đường trơn, lầy lún	2,50

SB.94000 VẬN CHUYỂN PHÉ THẢI BẰNG Ô TÔ

Đơn vị tính: $1m^3$

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Đơn vị	Số lượng
SB.941	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 0,5 tấn	ca	0,116
SB.942	- nt - ô tô 2,5 tấn	ca	0,034
SB.943	- nt - ô tô 5 tấn	ca	0,020
SB.944	- nt - ô tô 7 tấn	ca	0,015
SB.945	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô 0,5 tấn	ca	0,070
SB.946	- nt - ô tô 2,5 tấn	ca	0,020
SB.947	- nt - ô tô 5 tấn	ca	0,010
SB.948	- nt - ô tô 7 tấn	ca	0,006
			11

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRONG ĐÔ THỊ

SE.10000 CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRONG ĐÔ THỊ

SE.11100 ĐÀO BỎ MẶT ĐƯỜNG NHỰA

Thành phần công việc :

Chuẩn bị, đào bỏ mặt đường bằng thủ công theo yêu cầu kỹ thuật. Di chuyển biển báo và rào chắn, dọn phế liệu rơi vãi. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công. Vận chuyển trong phạm vi 100m, thu dọn hiện trường.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤10	>10
SE.111	Đào bỏ mặt đường nhựa	<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,10	0,22
				11	12

SE.11200 CẮT MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG ASPHALT

Thành phần công việc :

Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hàng rào, biển báo, đèn tín hiệu. Chuẩn bị máy, lấy dầu. Tiến hành cắt bằng máy theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Di chuyển biển báo và rào chắn, dọn phế liệu rơi vãi. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công. Vận chuyển trong phạm vi 100m, thu dọn hiện trường.

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày lớp cắt (cm)		
				≤5	≤6	≤7
SE.112	Cắt mặt đường bê tông asphalt	<i>Vật liệu</i>				
		Lưới cắt bê tông loại 356mm	cái	0,25	0,30	0,35
		Vật liệu khác	%	2	2	2
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,76	2,00	2,30
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,25	0,29
				11	12	13

SE.11310 VÁ MẶT ĐƯỜNG BẰNG ĐÁ 4x6 CHÈN ĐÁ DẪM LỚP HAO MÒN BẰNG ĐÁ MẠT, THI CÔNG BẰNG THỦ CÔNG KẾT HỢP CƠ GIỚI

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đào mặt đường cũ, san phẳng đáy, đầm nén, cắt vuông cạnh, rải đá 4x6, rải vật liệu chèn, tưới nước, đầm nén, rải lớp hao mòn, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thủ công kết hợp cơ giới			
				Chiều dày mặt đường đã lèn ép (cm)			
				10	12	14	15
SE.113	Vá mặt đường bằng đá 4x6 chèn đá dăm lớp hao mòn bằng đá mịn, thi công bằng thủ công kết hợp cơ giới	<i>Vật liệu</i>					
		Đá 4 x 6	m ³	1,38	1,654	1,93	2,07
		Đá 2 x 4	m ³	0,035	0,046	0,053	0,056
		Đá 1 x 2	m ³	0,035	0,046	0,053	0,056
		Đá mịn	m ³	0,202	0,202	0,202	0,202
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,50	2,56	2,65	2,71
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy lu 10T	ca	0,146	0,165	0,198	0,206
		Ô tô 5T	ca	0,008	0,008	0,008	0,008
		Máy khác	%	5	5	5	5
				11	12	13	14

SE.11320 VÁ MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA BẰNG BÊ TÔNG NHỰA NÓNG HẠT MỊN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vuông cạnh, đào mặt đường bê tông nhựa cũ, san phẳng đáy, đầm nén, tưới nhựa dính bám, rải bê tông nhựa, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lên ép (cm)			
				4	5	6	7
SE.113	Vá mặt đường bê tông nhựa bằng bê tông nhựa nóng hạt mịn	<i>Vật liệu</i>					
		Bê tông nhựa nóng	tấn	1,070	1,258	1,49	1,766
		Nhựa đường	kg	9,45	9,63	9,81	9,99
		Lưới cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,14	1,25	1,32	1,41
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy lu bánh thép 10T	ca	0,018	0,02	0,026	0,028
		Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		Nồi nấu nhựa	ca	0,024	0,024	0,026	0,026
		Máy khác	%	2	2	2	2
				21	22	23	24

SE.11330 VÁ MẶT ĐƯỜNG BẰNG BÊ TÔNG NHỰA NGUỘI

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vuông cạnh, đào mặt đường cũ, san phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám, rải bê tông nhựa nguội, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lèn ép (cm)			
				4	5	6	7
SE.113	Vá mặt đường bằng bê tông nhựa nguội	<i>Vật liệu</i>					
		Bê tông nhựa nguội	tấn	0,976	1,146	1,36	1,612
		Nhựa đường	kg	9,45	9,63	9,81	9,99
		Lưới cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,17	1,32	1,38	1,49
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy lu bánh thép 10T	ca	0,02	0,02	0,024	0,024
		Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		Nồi nấu nhựa	ca	0,024	0,024	0,026	0,026
		Máy khác	%	2	2	2	2
				31	32	33	34

SE.11340 VÁ MẶT ĐƯỜNG BẰNG ĐÁ TRỘN NHỰA PHA DẦU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vuông cạnh, đào mặt đường cũ, san phẳng, đầm nén, tưới nhựa dính bám, rải đá trộn nhựa pha dầu, đầm nén, rải cát vàng, đầm nén hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lên ép (cm)			
				4	5	6	7
SE.113	Vá mặt đường bằng đá trộn nhựa pha dầu	<i>Vật liệu</i>					
		Đá trộn nhựa pha dầu	tấn	1,148	1,35	1,6	1,898
		Nhựa đường	kg	8,926	9,096	9,266	9,435
		Cát vàng	kg	78,534	78,534	78,534	78,534
		Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,04	1,17	1,23	1,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy lu bánh thép 10T	ca	0,004	0,004	0,006	0,008
		Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		Nồi nấu nhựa	ca	0,023	0,023	0,024	0,024
		Máy khác	%	2	2	2	2
				41	42	43	44

SE.11350 VÁ MẶT ĐƯỜNG BẰNG ĐÁ DẪM NHỰA

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vuông cạnh, đào mặt đường cũ, san phẳng, đầm nén, rải đá, tưới nhựa, đầm nén, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bốc dỡ phế thải, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đường đã lên ép (cm)			
				4	5	6	7
SE.113	Vá mặt đường bằng đá dăm nhựa	<i>Vật liệu</i>					
		Đá 1x2	m3	0,614	0,736	0,878	1,044
		Đá 0,5x1 (hoặc cát sạn)	m3	0,094	0,094	0,094	0,094
		Nhựa đường	kg	47,97	47,97	47,97	47,97
		Lưỡi cắt bê tông	cái	0,049	0,049	0,05	0,05
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,10	1,24	1,30	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy lu bánh thép 10T	ca	0,0366	0,0454	0,0564	0,0706
		Máy cắt bê tông MCD 218	ca	0,22	0,23	0,25	0,29
		Nồi nấu nhựa	ca	0,126	0,126	0,126	0,126
		Máy khác	%	2	2	2	2
				51	52	53	54

SE.11400 TƯỚI NHỰA LÓT HOẶC NHỰA DÍNH BĂM MẶT ĐƯỜNG

Thành phần công việc:

Quét sạch mặt đường, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m, nấu nhựa và tưới nhựa bằng nhựa pha dầu hay nhũ tương nhựa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

SE.11410 TIÊU CHUẨN NHỰA 1,1 KG/M²

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tiêu chuẩn nhựa 1,1 kg/m ²			
				Nhựa pha dầu		Nhũ tương nhựa	
				Thủ công	Cơ giới	Thủ công	Cơ giới
SE.114	Tưới nhựa lót hoặc nhựa dính bám mặt đường	<i>Vật liệu</i>					
		Nhựa đặc	kg	8,15	8,15	-	-
		Dầu hỏa	lít	4,796	4,796	-	-
		Nhũ tương gốc axit loại 60%	kg	-	-	11,99	11,99
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,24	0,08	0,19	0,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Xe tưới nhựa	ca	-	0,0056	-	0,0056
		Nồi nấu nhựa	ca	0,022	-	-	-
		Máy khác	%	-	10	-	10
				11	12	13	14

SE.11420 TIÊU CHUẨN NHỰA 0,5 kg/m²Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m ²			
				Nhựa pha dầu		Nhũ tương nhựa	
				Thủ công	Cơ giới	Thủ công	Cơ giới
SE.114	Tưới nhựa lót hoặc nhựa dính bám mặt đường	<i>Vật liệu</i>					
		Nhựa đặc	kg	4,7	4,7	-	-
		Dầu hỏa	lít	2,40	2,40	-	-
		Nhũ tương gốc axit loại 60%	kg	-	-	5,45	5,45
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,15	0,047	0,172	0,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Xe tưới nhựa	ca	-	0,0033	-	0,0033
		Nồi nấu nhựa	ca	0,013	-	-	-
		Máy khác	%	-	10	-	10
				21	22	23	24

SE.11500 LÁNG NHỰA TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

Thành phần công việc:

Quét sạch mặt đường, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m, rải đá kê cả đá bảo dưỡng sau khi láng, nấu nhựa, tưới nhựa, hoàn thiện mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

SE.11510 LÁNG NHỰA MỘT LỚP TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa một lớp			
				Nhựa 0,7 kg/m ²		Nhựa 0,9 kg/m ²	
				Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy	Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy
SE.115	Láng một lớp nhựa trên mặt đường cũ	<i>Vật liệu</i>					
		Đá mặt 0,015÷1 hoặc cát	m ³	0,055	0,055	0,073	0,073
		Nhựa đường	kg	7,63	7,63	9,63	9,63
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,12	0,08	0,14	0,1
		<i>Máy thi công</i>					
		Xe tưới nhựa	ca	-	0,005	-	0,0066
		Máy lu 8,5T	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Nồi nấu nhựa	ca	0,02	-	0,025	-
		Máy khác	%	5	5	5	5
				11	12	13	14

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa một lớp			
				Nhựa 1,1 kg/m ²		Nhựa 1,5 kg/m ²	
				Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy	Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy
SE.115	Láng một lớp nhựa trên mặt đường cũ	<i>Vật liệu</i>					
		Đá mặt 0,015÷1 hoặc cát	m ³	0,103	0,103	0,166	0,166
		Nhựa đường	kg	11,77	11,77	16,05	16,05
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,2	0,12	0,27	0,162
		<i>Máy thi công</i>					
		Xe tưới nhựa	ca	-	0,008	-	0,01
		Máy lu 8,5T	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Nồi nấu nhựa	ca	0,03	-	0,04	-
		Máy khác	%	5	5	5	5
				15	16	17	18

SE.11520 LÁNG NHỰA HAI LỚP TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

Đơn vị tính: 10m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Láng nhựa hai lớp			
				Nhựa 2,5 kg/m ²		Nhựa 3 kg/m ²	
				Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy	Tưới bằng thủ công	Tưới bằng máy
SE.115	Láng 2 lớp nhựa trên mặt đường cũ	<i>Vật liệu</i>					
		Đá 1x2	m ³	0,15	0,15	0,15	0,15
		Đá mặt 0,015 ÷ 1	m ³	0,15	0,15	0,17	0,17
		Nhựa đường	kg	26,75	26,75	32,1	32,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,38	0,228	0,46	0,276
		<i>Máy thi công</i>					
		Xe tưới nhựa	ca	-	0,013	-	0,015
		Máy lu 8,5T	ca	0,03	0,03	0,03	0,03
		Nồi nấu nhựa	ca	0,05	-	0,06	-
				21	22	23	24

SE.11600 LẤP HỒ SỤP, HỒ SINH LÚN CAO SU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đào bỏ lớp vật liệu cũ ra khỏi phạm vi mặt đường, lấp vật liệu xuống hồ, chèn, rải vật liệu chèn, tưới nước bằng xe nước, đầm chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Băng cát	Băng đất cấp phối tự nhiên	Băng đá 0÷4cm
SE.116	Lấp hồ súp, hồ sinh lún cao su	<i>Vật liệu</i>				
		Cát	m ³	1,22	-	-
		Đất cấp phối tự nhiên	m ³	-	1,4	-
		Đá ≤4cm	m ³	-	-	1,319
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,56	0,85	0,95
		<i>Máy thi công</i>				
		Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,002	0,002	0,002
		Máy đầm cóc	ca	0,033	0,033	0,033
				11	12	13

SE.11700 SỬA NỀN, MÓNG ĐƯỜNG BẰNG CÁT, ĐÁ XÔ BÒ, ĐÁ DẪM 4x6, ĐẤT CHỌN LỘC

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, sửa nền, sửa móng đường yếu theo thiết kế, san, đổ vật liệu vào nền, móng đường thành từng lớp, tưới nước, san đầm chặt theo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

SE.11710 SỬA NỀN, MÓNG ĐƯỜNG BẰNG CÁT, ĐÁ XÔ BÒ, ĐÁ DẪM 4x6

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sửa nền, móng đường					
				Băng cát		Băng đá xô bò		Băng đá dăm 4x6	
				Thủ công	Thủ công kết hợp máy	Thủ công	Thủ công kết hợp máy	Thủ công	Thủ công kết hợp máy
SE.117	Sửa nền, móng đường bằng cát, đá xô bò, đá dăm 4x6	<i>Vật liệu</i>							
		Cát	m ³	1,38	1,38	-	-	-	-
		Đá xô bò	m ³	-	-	1,32	1,32	-	-
		Đá dăm 4x6	m ³	-	-	-	-	1,32	1,32
		Nước	m ³	0,15	0,15	-	-	-	-
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,67	0,19	0,64	0,32	1,0	0,3
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy đầm cóc	ca	-	0,15	-	-	-	0,35
		Máy lu 8,5T	ca	-	-	-	0,073	-	-
				11	12	13	14	15	16

SE.11720 SỬA NỀN, MÓNG ĐƯỜNG BẰNG ĐẤT CHỌN LỘC (ĐẤT ĐÃ CÓ SẴN)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công Độ chặt yêu cầu		
				K=0,85	K=0,90	K=0,95
SE.117	Sửa nền, móng đường bằng đất chọn lọc (đất đã có sẵn)	<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,87	0,99	1,18
				21	22	23

(tiếp theo)

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thủ công kết hợp máy		
				Độ chặt yêu cầu		
				K=0,85	K=0,90	K=0,95
SE.117	Sửa nền, móng đường bằng đất chọn lọc (đất đã có sẵn)	Nhân công 3,5/7	công	0,35	0,40	0,68
		Máy thi công				
		Máy đầm cóc	ca	0,21	0,24	0,27
				24	25	26

SE.11800 BỔ SUNG NẮP RÃNH BÊ TÔNG, NẮP HỐ GA

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tháo nắp tấm bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển, thay thế tấm mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Nắp rãnh bê tông	Nắp hố ga
SE.118	Bổ sung nắp rãnh bê tông, nắp hố ga	<i>Vật liệu</i>			
		Nắp rãnh bê tông, hố ga	cái	1	1
		Vữa xi măng	m ³	0,003	0,005
		<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,11	0,17
				11	12

SE.20000 CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH CẦU ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ**SE.21100 SỬA CHỮA LAN CAN CẦU BẰNG BÊ TÔNG***Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, đục, phá bỏ phần lan can bị hỏng, đổ bê tông, lắp đặt lan can thay thế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.211	Sửa chữa lan can cầu bằng bê tông	<i>Vật liệu</i>		
		Vữa bê tông	m ³	0,08
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,26
				10

SE.21200 THAY THẾ ỐNG THOÁT NƯỚC MẶT CẦU*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, lắp dựng dàn giáo, tháo bỏ ống thoát nước bị hư hỏng, đo, lấy dấu, cắt ống, tẩy vát mép ống, lau chùi, quét keo, lắp chỉnh dán ống. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				60	100	150
SE.212	Thay thế ống thoát nước mặt cầu	<i>Vật liệu</i>				
		Ống nhựa	m	1,1	1,1	1,1
		Cồn rửa	kg	0,036	0,049	0,061
		Nhựa dán	kg	0,0011	0,0016	0,002
		Vật liệu khác	%	1	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,60	0,61	0,62
				10	20	30

SE.21300 SƠN CẦU SẮT, SƠN 1 LỚP SƠN CHỐNG GỈ, 2 LỚP SƠN MÀU

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, làm sạch bề mặt, sơn 1 lớp sơn chống gỉ, 2 nước sơn màu, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.213	Sơn cầu sắt, sơn 1 lớp chống gỉ, 2 lớp sơn màu.	<i>Vật liệu</i>		
		Sơn chống rỉ	kg	0,143
		Sơn màu	kg	0,24
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	0,06
				10

SE.21400 DÁN VẢI SỢI CACBON, VẢI SỢI THỦY TINH BỀ MẶT KẾT CẤU BÊ TÔNG ĐỂ GIA CỐ

SE.21410 MÀI, VỆ SINH BỀ MẶT KẾT CẤU BÊ TÔNG CHUẨN BỊ CHO CÔNG TÁC DÁN VẢI SỢI CACBON, VẢI SỢI THỦY TINH TRÊN CẠN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, mài phẳng, bo tròn các cạnh, vệ sinh làm sạch bề mặt kết cấu bê tông; thu dọn, vệ sinh sạch sau thi công. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.214	Mài, vệ sinh bề mặt kết cấu bê tông chuẩn bị cho công tác dán vải sợi cacbon, vải sợi thủy tinh trên cạn	<i>Vật liệu</i>		
		Đá mài	viên	0,464
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,639
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy mài cầm tay 1KW	ca	0,482
		Máy nén khí diesel 600m3/h	ca	0,016
				11

SE.21420 DÁN VẢI SỢI CACBON, VẢI SỢI THỦY TINH VÀO KẾT CẤU BÊ TÔNG TRÊN CẠN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vải sợi, trộn keo, quét keo vải sợi vào bề mặt kết cấu, dán vải sợi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Vải sợi cacbon		Vải sợi thủy tinh	
				Lớp đầu	Lớp tiếp theo	Lớp đầu	Lớp tiếp theo
SE.214	Dán vải sợi cacbon, vải sợi thủy tinh vào kết cấu bê tông trên cạn	<i>Vật liệu</i>					
		Vải sợi cacbon	m2	1,05	1,05		
		Vải sợi thủy tinh	m2			1,05	1,05
		Vật liệu khác	%	0,2	0,2	1	1
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	0,351	0,337	0,351	0,337
				21	22	23	24

Ghi chú: Vật liệu vải sợi cacbon, vải sợi thủy tinh đã bao gồm vật liệu keo dán.

SE.21430 VỆ SINH BỀ MẶT KẾT CẤU BÊ TÔNG CHUẨN BỊ CHO CÔNG TÁC DÁN VẢI SỢI THỦY TINH DƯỚI NƯỚC

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, vệ sinh làm sạch bề mặt kết cấu bê tông; thu dọn, vệ sinh sạch sau thi công. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.214	Vệ sinh bề mặt kết cấu bê tông chuẩn bị cho công tác dán vải sợi thủy tinh dưới nước	<i>Vật liệu</i>		
		Bàn chải sắt	cái	0,299
		Vật liệu khác	%	10
		<i>Nhân công</i>		
		Thợ lặn cấp I	công	0,275
		<i>Máy thi công</i>		
		Ca nô 90CV	ca	0,051
				31

SE.21440 DÁN VẢI SỢI THỦY TINH VÀO KẾT CẤU BÊ TÔNG DƯỚI NƯỚC, DÁN 1 LỚP

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt vải sợi, trộn keo, quét keo vải sợi vào bề mặt kết cấu, dán vải sợi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.214	Dán vải sợi thủy tinh vào kết cấu bê tông dưới nước, dán 1 lớp	<i>Vật liệu</i>		
		Vải sợi thủy tinh	m2	1,05
		Ni lông tự co	m2	0,464
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công</i>		
		Nhân công 4,0/7	công	0,020
		Thợ lặn cấp I	công	0,562
		<i>Máy thi công</i>		
		Ca nô 90CV	ca	0,042
				41

Ghi chú: Vật liệu vải sợi thủy tinh đã bao gồm vật liệu keo dán.

SE.30000 CÔNG TÁC SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRONG ĐÔ THỊ

SE.31110 TẨY XÓA VẠCH SƠN ĐÈO NHIỆT BẰNG MÁY

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tẩy xóa vạch sơn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, thu dọn phế thải xúc lên ô tô, vệ sinh quét dọn sạch sẽ mặt đường bằng thủ công, vận chuyển phế thải đổ đúng vị trí cho phép, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.311	Tẩy xóa vạch sơn đèo nhiệt bằng máy	<i>Vật liệu</i>		
		Đá mài	viên	0,001
		<i>Nhân công 3,5 /7</i>	công	0,018
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy xóa vạch sơn, công suất 13HP	ca	0,02
		Ô tô tải 2T	ca	0,02
				10

SE.31200 SƠN KẼ ĐƯỜNG BẰNG SƠN ĐẸO NHIỆT PHẢN QUANG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, dựng chóp và rào chắn, làm vệ sinh mặt đường, đánh dấu, căng dây, nấu sơn, đổ sơn vào thiết bị sơn kẻ, sấy máy duy trì nhiệt độ sôi, tiến hành sơn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Ghi chú: Chiều dày lớp sơn khác với quy định được áp dụng bằng cách cộng các định mức hoặc nội suy từ định mức sơn dẻo nhiệt nói trên.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày lớp sơn (mm)		
				1	1,5	2
SE.312	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang	<i>Vật liệu</i>				
		Sơn dẻo nhiệt	kg	2,968	4,019	5,294
		Sơn lót	kg	0,255	0,255	0,255
		Gas	kg	0,105	0,141	0,155
		Vật liệu khác	%	1	1	1
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	0,092	0,104	0,115
		<i>Máy thi công</i>				
		Thiết bị sơn kẻ vạch YHK10A	ca	0,025	0,029	0,034
		Lò nấu sơn YHK 3A	ca	0,025	0,029	0,034
		Ô tô 2,5 tấn	ca	0,023	0,027	0,029
		Máy khác	%	2	2	2
				10	20	30